

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

NGHỊ ĐỊNH số 51-HĐBT ngày 17-3-1982 về việc ban hành Điều lệ hợp tác xã thủy sản.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng bộ trưởng ngày 4-7-1981;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thủy sản,

NGHỊ ĐỊNH

Điều 1. - Nay ban hành kèm theo nghị định này bản Điều lệ hợp tác xã thủy sản.

Điều 2. - Điều lệ này áp dụng cho các hợp tác xã thủy sản trong cả nước (các tổ hợp tác sản xuất thủy sản có thể vận dụng).

Điều 3. - Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành. Các văn bản trước đây trái với điều lệ này đều bãi bỏ.

Điều 4. - Bộ trưởng Bộ Thủy sản có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra thực hiện bản điều lệ này.

Điều 5. - Bộ trưởng các Bộ, Chủ nhiệm các Ủy ban Nhà nước, thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng bộ trưởng, chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 1982

T.M. Hội đồng bộ trưởng

K. T. Chủ tịch

Phó chủ tịch

TỔ HỮU

ĐIỀU LỆ

hợp tác xã thủy sản

(ban hành kèm theo nghị định số 51-HĐBT ngày 17-3-1982 của Hội đồng bộ trưởng).

LỜI NÓI ĐẦU

Nước ta có bờ biển dài 3260 kilômét, có vùng kinh tế đặc quyền rộng trên

1 triệu km², và trên 2,5 triệu hécta hồ, ao, sông, suối... có nhiều loại thủy sản, đặc sản, tài nguyên quý. Có trên 20 vạn lao động trực tiếp sản xuất nghề đánh cá biển và hàng triệu người sống bằng nghề khai thác, chế biến thủy sản.

Ở miền Bắc hơn 20 năm qua, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và Nhà nước, với nhiệt tình cách mạng của quần chúng ngư dân, công cuộc cải tạo quan hệ sản xuất trong ngành thủy sản đã giành được thắng lợi lớn, quan hệ sản xuất tập thể xã hội chủ nghĩa đã được xác lập và ngày càng được củng cố. Các hợp tác xã thủy sản ngày nay đã trở thành lực lượng sản xuất chính trên mặt biển. Ở miền Nam sau ngày được hoàn toàn giải phóng, phong trào hợp tác hóa đang phát triển. Nghề cá trong cả nước đã đóng góp phần lớn sản phẩm để giải quyết nhu cầu thực phẩm cho nhân dân và nguyên liệu cho xuất khẩu. Đời sống xã viên nghề cá được cải thiện, bộ mặt văn hóa, xã hội ở miền biển đã có những thay đổi tiến bộ. Qua thực tiễn sản xuất và đời sống xã viên, hợp tác xã thủy sản ngày càng tỏ rõ tính hơn hẳn so với lối làm ăn cá thể.

Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ở miền Bắc phải tiếp tục củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất, ở miền Nam phải hoàn thành cải tạo quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, ra sức xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của ngành thủy sản, đưa ngành thủy sản từng bước tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Điều lệ hợp tác xã thủy sản được ban hành nhằm bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, bảo đảm phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng xã viên và thực hiện đầy đủ sự quản lý của Nhà nước, đáp ứng các yêu cầu nói trên.

Chương I

ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. — Tính chất, mục đích của hợp tác xã.

Hợp tác xã thủy sản là một tổ chức kinh tế tập thể xã hội chủ nghĩa, một đơn vị sản xuất cơ sở, kinh doanh về nghề thủy sản do những người lao động nghề thủy sản tự nguyện lập ra, được Đảng cộng sản Việt Nam lãnh đạo, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hướng dẫn, giúp đỡ và quản lý.

Mục đích của hợp tác xã là tổ chức lại nghề khai thác thủy sản từ sản xuất nhỏ, từng bước tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, không ngừng mở rộng và phát triển sản xuất, cung ứng ngày càng nhiều thực phẩm cho tiêu dùng trong nước, sản phẩm cho xuất khẩu và nguyên liệu cho các ngành khác. Trên cơ sở tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả kinh tế để không ngừng nâng cao đời sống vật chất và văn hóa cho xã viên, xây dựng hợp tác xã thủy sản vững mạnh, góp phần xây dựng và bảo vệ đất nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Điều 2. — Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của hợp tác xã :

— Tự nguyện.

— Cùng có lợi (kết hợp hài hòa quan hệ giữa ba lợi ích : lợi ích của xã viên, lợi ích của hợp tác xã và lợi ích của Nhà nước).

— Quản lý dân chủ. Tôn trọng và phát huy quyền làm chủ tập thể của xã viên.

— Sản xuất kinh doanh theo phương hướng kế hoạch của Nhà nước, theo chế độ hạch toán kinh tế.

Điều 3. — Nhiệm vụ của hợp tác xã :

1. Tổ chức sản xuất và quản lý tốt lao động, công cụ, vật tư, sản phẩm, tiền vốn... tăng cường cải tiến kỹ thuật và xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, nhằm không ngừng tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm, bảo đảm kinh doanh có lãi, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước.

2. Tổ chức phân phối công bằng, hợp lý, bảo đảm nguyên tắc phân phối theo lao động, không ngừng tăng thu nhập cho xã viên, tăng tích lũy cho hợp tác xã.

3. Chăm lo cải thiện đời sống vật chất, văn hóa của xã viên, thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, từng bước xây dựng các cơ sở phúc lợi tập thể, phù hợp với điều kiện từng vùng dân cư.

4. Chăm lo giáo dục, nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa, nâng cao trình độ văn hóa, khoa học kỹ thuật và trình độ quản lý cho cán bộ, xã viên; động viên mọi người hăng hái thi đua sản xuất, thực hành tiết kiệm. Rèn luyện và xây dựng con người mới, nền văn hóa mới.

5. Chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật và các chính sách, chế độ của Nhà nước; chú trọng bảo vệ môi trường, nguồn lợi, quy vùng đánh bắt thủy sản.

6. Kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ sản xuất với nhiệm vụ quốc phòng, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự xã hội, bảo vệ vùng biển của Tổ quốc.

7. Thực hiện hợp tác xã hội chủ nghĩa với các tổ chức kinh tế của Nhà nước, với các hợp tác xã khác, nhằm bảo đảm hoàn thành kế hoạch, giúp nhau cùng phát triển.

Điều 4. — Quyền hạn của hợp tác xã

1. Hợp tác xã có tư cách pháp nhân, được Nhà nước bảo hộ theo pháp luật và có con dấu riêng.

2. Hợp tác xã được quyền tự chủ về sản xuất kinh doanh, về tài chính và phân phối trong nội bộ theo chế độ và pháp luật của Nhà nước.

Chương II

XÃ VIÊN

Điều 5. — Điều kiện gia nhập hợp tác xã :

1. Tất cả lao động chuyên làm nghề khai thác, nuôi, trồng thủy sản (bao gồm cả tiểu chủ) từ 16 tuổi trở lên, là công dân

Việt Nam, nếu thừa nhận điều lệ hợp tác xã, tự nguyện xin vào hợp tác xã, được đại hội xã viên đồng ý, thì được nhận là xã viên.

2. Khi vào hợp tác xã, mỗi xã viên phải đóng hai thứ cổ phần:

- Cổ phần tập thể hóa tư liệu sản xuất.
- Cổ phần chi phí sản xuất.

Xã viên có tư liệu sản xuất cần thiết cho sản xuất của tập thể đều phải đưa vào hợp tác xã.

Mức cổ phần do đại hội xã viên quyết định, căn cứ vào yêu cầu sản xuất, có chiều cổ đến khả năng đóng góp của xã viên.

Những người không có khả năng đóng cổ phần một lần, nếu được đại hội xã viên đồng ý thì có thể đóng làm 2, 3 lần, nhưng thời hạn không quá 3 năm. Khi chưa đóng đủ cổ phần, phải trả lãi cho hợp tác xã theo mức lãi hợp tác xã trả cho những người có cổ phần thừa.

Điều 6. — Xã viên có nghĩa vụ:

1. Chấp hành đúng điều lệ, nội quy của hợp tác xã, nghị quyết của đại hội xã viên, của ban quản lý, sự điều hành của tổ trưởng sản xuất.

2. Phải làm đủ ngày công do hợp tác xã quy định, tôn trọng kỷ luật lao động, thực hiện đúng các quy trình sản xuất, tiêu chuẩn định mức kinh tế, kỹ thuật, phương pháp sản xuất tiến bộ đã quy định.

3. Tích cực tham gia công việc quản lý hợp tác xã, bảo vệ và sử dụng tốt tài sản của tập thể và của Nhà nước, không lãng phí, tham ô và phá hoại của công, đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực.

4. Chấp hành đúng các chính sách, chế độ, luật lệ của Nhà nước.

5. Tích cực tham gia bảo vệ an ninh chính trị, trật tự xã hội, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.

6. Đoàn kết giúp nhau trong hợp tác xã và các đơn vị kinh tế khác.

7. Tích cực học tập chính trị, văn hóa, khoa học kỹ thuật, nghiệp vụ quản lý,

nâng cao ý thức làm chủ tập thể, rèn luyện bản thân thành người lao động mới.

Điều 7. — Xã viên có quyền:

1. Làm việc theo khả năng và sở trường, được trả công theo số lượng và chất lượng lao động.

2. Tham gia bàn bạc, biểu quyết, kiểm tra mọi công việc của hợp tác xã, bầu cử, ứng cử vào các cơ quan quản lý của hợp tác xã.

3. Đối với những việc làm sai trái, xâm phạm đến lợi ích của hợp tác xã và của Nhà nước, có quyền phê bình, chất vấn, khiếu nại, tố cáo và yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

4. Được hợp tác xã giúp đỡ nâng cao trình độ nghiệp vụ và học nghề chuyên môn; được hưởng phúc lợi tập thể, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác, theo chính sách, chế độ của Nhà nước và quy định của hợp tác xã.

5. Được phát triển kinh tế phụ gia đình, mà không thiệt hại đến kinh tế tập thể và không trái với pháp luật.

6. Những xã viên giỏi nghề, có đóng góp xuất sắc về kỹ thuật, nghiệp vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ của hợp tác xã giao được hưởng một khoản tiền thưởng do hợp tác xã quy định và được đề nghị cấp trên khen thưởng.

Điều 8. — Xã viên ra khỏi hợp tác xã:

1. Xã viên xin ra làm riêng lẻ, xin chuyển sang hợp tác xã khác, hoặc đi làm ở cơ quan, xí nghiệp, phải làm đơn đề nghị ban quản lý xét giải quyết và báo cáo lại với đại hội xã viên biết trong kỳ họp gần nhất.

2. Xã viên xin ra hợp tác xã được hoàn lại cổ phần; nếu hợp tác xã kinh doanh thua lỗ, thì người xin ra hợp tác xã phải gánh chịu phần thua lỗ.

Cổ phần của xã viên đã chết, được đề lại cho người thừa kế hợp pháp.

Điều 9. — Những xã viên tạm thời rời khỏi hợp tác xã trong các trường hợp làm nghĩa vụ quân sự, được bầu giữ các

chức vụ trong Đảng, đoàn thể, chính quyền xã, được cử đi học nghiệp vụ, thôi việc vì tuổi già hoặc tàn tật... vẫn được bảo đảm tư cách xã viên ở hợp tác xã.

Chương III

TỔ CHỨC VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA HỢP TÁC XÃ

Điều 10. — Đại hội xã viên:

Đại hội xã viên là cơ quan có quyền cao nhất của hợp tác xã, có nhiệm vụ và quyền hạn:

1. Thảo luận việc thực hiện điều lệ, xét duyệt hoặc sửa đổi nội quy của hợp tác xã.

2. Quyết định phương hướng sản xuất kinh doanh, kế hoạch dài hạn, hàng năm và các biện pháp chủ yếu nhằm bảo đảm hoàn thành kế hoạch.

3. Thông qua các định mức kinh tế kỹ thuật trong hợp tác xã, phù hợp với các định mức do Nhà nước hướng dẫn.

4. Thông qua các báo cáo quyết toán kế hoạch và tài vụ hàng năm; duyệt các hợp đồng kinh tế.

5. Bầu cử, bãi miễn các thành viên ban quản lý, ban kiểm soát; quyết định việc kết nạp hoặc khai trừ xã viên.

Đại hội xã viên mỗi năm chính thức họp hai lần, ngoài ra nếu ban kiểm soát yêu cầu hay ban quản lý thấy cần thiết hoặc một phần ba (1/3) số xã viên đề nghị, thì họp đại hội xã viên bất thường. Ở các hợp tác xã lớn, nếu xét thấy việc triệu tập đại hội xã viên có trở ngại đến sản xuất thì ban quản lý có thể quyết định triệu tập đại hội đại biểu xã viên.

Đại hội xã viên ít nhất phải có hai phần ba (2/3) số xã viên đến dự mới hợp lệ. Đại hội đại biểu xã viên ít nhất phải có ba phần tư (3/4) số đại biểu được triệu tập đến dự mới hợp lệ. Khi biểu quyết phải có quá nửa số đại biểu có mặt đồng ý, thì nghị quyết mới có giá trị.

Việc bầu cử các ban quản lý, ban kiểm soát của hợp tác xã, phải theo nguyên tắc trực tiếp và bỏ phiếu kín.

Nội dung, chương trình của kỳ họp phải được ban quản lý chuẩn bị kỹ và phải thông báo trước để xã viên có đủ thời gian tham gia ý kiến.

Điều 11. — Ban quản lý hợp tác xã:

Ban quản lý hợp tác xã là cơ quan quản lý điều hành mọi hoạt động của hợp tác xã. Ban quản lý hợp tác xã chịu trách nhiệm trước đại hội xã viên và pháp luật Nhà nước về mọi hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh của hợp tác xã.

Ban quản lý hợp tác xã có từ 3 đến 5 người. Những người được bầu vào ban quản lý nói chung phải am hiểu về thủy sản, có trình độ văn hóa nhất định, nắm được nghiệp vụ quản lý, có nhiệt tình, gương mẫu, liêm khiết, cần cù, dũng cảm trong sản xuất, được quần chúng tín nhiệm.

Ban quản lý có quyền hạn và nhiệm vụ:

1. Tạo điều kiện để xã viên phát huy quyền làm chủ tập thể trong lao động, sản xuất và tham gia quản lý hợp tác xã.

2. Chỉ đạo thực hiện đúng điều lệ, nội quy của hợp tác xã, nghị quyết của đại hội xã viên, các chính sách, chế độ của Nhà nước.

3. Xây dựng phương hướng kế hoạch dài hạn, hàng năm và các định mức kinh tế kỹ thuật để trình đại hội xã viên thông qua.

4. Tổ chức giao khoán và chỉ đạo thực hiện tốt các kế hoạch giao khoán, đồng thời tổ chức phân phối đúng điều lệ, nội quy hợp tác xã và chế độ Nhà nước quy định.

5. Tổ chức quản lý và sử dụng có hiệu quả lao động, công cụ, vật tư, tiền vốn. Thực hiện đúng chế độ hạch toán kinh tế trong hợp tác xã.

6. Có kế hoạch nâng cao trình độ chính trị, văn hóa, kỹ thuật, nghiệp vụ, chăm lo tổ chức tốt đời sống vật chất và văn hóa cho xã viên, xây dựng hợp tác xã thủy sản văn minh, giàu đẹp.

7. Thay mặt hợp tác xã giao dịch và ký kết các hợp đồng kinh tế với cơ quan và đơn vị kinh tế khác.

8. Dự thảo nội quy của hợp tác xã, trình đại hội xã viên thông qua.

9. Triệu tập đại hội xã viên thường kỳ và bất thường, báo cáo tình hình sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã; trả lời những điều xã viên chất vấn, khiếu nại.

10. Đề nghị đại hội xã viên xét khen thưởng và kỷ luật, kết nạp xã viên.

Ban quản lý bầu ra chủ nhiệm và các phó chủ nhiệm giúp chủ nhiệm phụ trách các phần việc kế hoạch, vật tư sản phẩm, kỹ thuật, xây dựng cơ bản... và phân công trách nhiệm cho các Ủy viên ban quản lý. Chỉ định người làm việc trong các bộ môn nghiệp vụ của hợp tác xã.

Nhiệm kỳ của ban quản lý là hai năm, ban quản lý làm việc theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách.

Điều 12. — Chủ nhiệm hợp tác xã :

Chủ nhiệm hợp tác xã do ban quản lý bầu ra bằng phiếu kín, là người có trách nhiệm và có thẩm quyền cao nhất về chỉ huy, điều hành sản xuất kinh doanh trong hợp tác xã.

Căn cứ phương hướng kế hoạch và biện pháp chính đã được đại hội xã viên hoặc ban quản lý thông qua, theo phương án có hiệu quả kinh tế cao nhất, chủ nhiệm có quyền quyết định việc triển khai thực hiện.

Phó chủ nhiệm là người giúp việc chủ nhiệm và chịu trách nhiệm đối với công việc do chủ nhiệm phân công.

Điều 13. — Ban kiểm soát :

Ban kiểm soát hợp tác xã là cơ quan kiểm tra, giám sát mọi hoạt động tài chính và kinh doanh trong hợp tác xã. Ban kiểm soát có từ 1 đến 3 người. Những người được bầu vào ban kiểm soát phải là những người công tâm, có tinh thần trách nhiệm bảo vệ lợi ích của tập thể, của Nhà nước, có khả năng làm công tác kiểm soát, được quần chúng tín nhiệm.

Ban kiểm soát có quyền hạn và nhiệm vụ :

1. Kiểm tra giám sát mọi cán bộ, xã viên trong việc chấp hành điều lệ, nội quy của hợp tác xã, nghị quyết của đại hội xã viên, các chính sách, chế độ của Nhà nước. Trong một năm ban kiểm soát ít nhất phải kiểm tra hai lần các hoạt động sản xuất, kinh doanh và quản lý tài chính của hợp tác xã. Kiểm tra định kỳ và đột xuất các hoạt động sản xuất của các tổ sản xuất.

2. Báo cáo kết quả công tác kiểm tra, xét và giải quyết đơn khiếu nại, tố giác thuộc phạm vi hợp tác xã, đề đạt những kiến nghị của mình với đại hội xã viên và cấp trên.

3. Thông qua việc kiểm tra đề đạt các kiến nghị với ban quản lý. Trong vòng 10 ngày, các kiến nghị đó phải được ban quản lý trả lời.

4. Tham gia các cuộc họp của ban quản lý, các tổ sản xuất, có quyền đòi hỏi các cán bộ và xã viên trong hợp tác xã trả lời, cung cấp tài liệu về những việc cần kiểm tra; yêu cầu ban quản lý triệu tập đại hội xã viên bất thường để xem xét những kiến nghị của ban kiểm soát.

Nhiệm kỳ của ban kiểm soát là hai năm. Các ủy viên ban quản lý, kế toán, thủ quỹ, thủ kho... không được kiêm chức ban kiểm soát.

Điều 14. — Việc bầu cử, bãi chức ban quản lý, ban kiểm soát phải được Ủy ban nhân dân huyện chuẩn y.

Điều 15. — Các bộ môn nghiệp vụ :

Đề giúp cho chủ nhiệm chỉ đạo quản lý sản xuất và kinh doanh, hợp tác xã cần có các bộ môn chuyên trách các mặt nghiệp vụ kế hoạch, cung ứng vật tư, kỹ thuật, tài vụ, kế toán, xây dựng cơ bản...

Điều 16. — Kế toán trưởng :

1. Kế toán trưởng là người trực tiếp tổ chức thực hiện công tác tài vụ kế toán, thống kê, theo đúng các nguyên tắc, chế độ đã quy định, bảo đảm sử dụng tài chính đúng mục đích và giữ gìn sự toàn vẹn của

tài sản; cùng với chủ nhiệm ký các chứng từ, báo cáo kế toán thống kê của hợp tác xã.

2. Kế toán trưởng có quyền từ chối những lệnh thu, chi, xuất, nhập trái nguyên tắc, chế độ, thể lệ tài chính, kế toán, hoặc trái kế hoạch tài chính đã thông qua đại hội xã viên. Nếu ban quản lý quyết định phải thi hành những việc sai trái thì kế toán trưởng có trách nhiệm yêu cầu lập biên bản, báo cáo ngay với ban kiểm soát và cấp trên, để xem xét giải quyết.

3. Kế toán trưởng phải là người nắm vững nghiệp vụ kế toán, có tinh thần trách nhiệm, công tâm, bảo vệ nguyên tắc, chế độ tài chính kế toán; kế toán trưởng phải được chuyên môn hóa.

4. Kế toán trưởng do ban quản lý lựa chọn trong xã viên, hoặc người làm việc theo hợp đồng, được đại hội xã viên công nhận và Ủy ban nhân dân huyện chuẩn y. Trường hợp cần thiết có thể do cấp trên bổ nhiệm. Khi thay đổi kế toán trưởng, phải được sự đồng ý của ngành thủy sản cấp trên.

Điều 17. — Tổ sản xuất và tổ trưởng, tổ phó sản xuất.

a) Tổ sản xuất là đơn vị sản xuất trực tiếp thực hiện các chỉ tiêu khoán và hạch toán kinh tế nội bộ.

Tổ sản xuất có 1 tổ trưởng, 1 hoặc 2 tổ phó, 1 thư ký do xã viên bầu ra và ban quản lý thông qua. Tổ sản xuất có 1 thuyền thì thuyền trưởng là tổ trưởng. Tổ trưởng và tổ phó phải là người giỏi về kỹ thuật, gương mẫu thực hiện nhiệm vụ và chấp hành chính sách.

b) Tổ trưởng có nhiệm vụ và quyền hạn :

1. Điều khiển và chỉ huy tổ viên thực hiện đúng quy trình sản xuất, tiêu chuẩn và định mức kinh tế, kỹ thuật, nội quy bảo quản sử dụng thuyền lưới, thiết bị vật tư, giữ vững kỷ luật lao động và an toàn lao động... nhằm thực hiện vượt mức kế hoạch hợp tác xã giao khoán.

2. Quản lý chặt chẽ sản phẩm, thực hiện đúng chính sách, chế độ quản lý, và kế hoạch tiêu thụ, phân phối sản phẩm của hợp tác xã.

3. Thực hiện đầy đủ, kịp thời việc ghi chép ban đầu và báo cáo đúng kỳ hạn với ban quản lý và xã viên trong tổ, thông báo hàng ngày về kết quả sản xuất của tổ, tính công và thanh toán tiền công cho tổ viên theo đúng điều lệ và chế độ quy định.

4. Kèm cặp, bồi dưỡng để nâng cao tay nghề cho tổ viên, khuyến khích tổ viên thi đua phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, tăng năng suất lao động và hiệu quả kinh tế, phản ánh nguyện vọng và ý kiến của tổ viên lên ban quản lý.

5. Đề nghị khen thưởng và kỷ luật xã viên trong tổ.

Tổ phó là người giúp việc tổ trưởng, chịu trách nhiệm một phần việc do tổ trưởng phân công. Thư ký tổ chịu trách nhiệm ghi chép các số liệu ban đầu, hạch toán kinh tế nội bộ tổ.

Chương IV

TÀI SẢN CỦA HỢP TÁC XÃ VÀ VIỆC TẬP THỂ HÓA TƯ LIỆU SẢN XUẤT

Điều 18. — Tài sản của hợp tác xã :

1. Tài sản của hợp tác xã gồm tài sản cố định và tài sản lưu động do xã viên trực tiếp đóng góp, do tích lũy tạo ra, do Nhà nước cho vay đều là sở hữu tập thể thuộc tài sản xã hội chủ nghĩa, phải được bảo vệ và sử dụng có kế hoạch, đạt hiệu quả kinh tế cao nhất. Hợp tác xã không cho phép bất cứ ai dùng tài sản và tiền vốn của tập thể vào những mục đích không liên quan đến hoạt động của hợp tác xã.

2. Những tài sản Nhà nước giao cho hợp tác xã sử dụng hoặc tài sản do Nhà nước đầu tư xây dựng phục vụ cho nghề cá, đều phải được bảo vệ và sử dụng tốt, theo đúng chính sách, chế độ đã quy định.

3. Toàn bộ tài sản của hợp tác xã đều không chia và không hoàn lại cho những xã viên khi ra hợp tác xã, trừ cổ phần.

Tất cả mọi việc nhượng, bán, hủy bỏ, thanh lý tài sản cố định đều phải do đại hội xã viên quyết định. Trường hợp cấp bách có thể do hội nghị ban quản lý, ban kiểm soát và đại biểu xã viên họp quyết định, nhưng phải tiến hành đúng chế độ, thể lệ của Nhà nước, nội quy của hợp tác xã và phải báo cáo ra đại hội xã viên trong kỳ họp gần nhất.

Điều 19. — Tập thể hóa tư liệu sản xuất :

Mọi người khi vào hợp tác xã có tư liệu sản xuất cần thiết cho nghề cá, đều được định giá thành tiền và được tập thể hóa.

Việc định giá tư liệu sản xuất phải căn cứ vào giá chỉ đạo của Nhà nước và chất lượng tốt, xấu, cũ, mới, với giá trị sử dụng còn lại, do tập thể xác định và đại hội xã viên thông qua. Tiền trị giá tư liệu sản xuất được dùng để đóng cổ phần tập thể hóa, thiếu phải đóng thêm, thừa được trả dần, theo thời gian khấu hao còn lại. Đối với tiền thừa cổ phần chưa trả đủ, người có thừa cổ phần được trả lãi hàng năm, tỷ lệ lãi hàng năm do đại hội xã viên quy định, nhưng không quá 5% tiền vốn.

Chương V

TỔ CHỨC SẢN XUẤT VÀ QUẢN LÝ SẢN XUẤT KINH DOANH

Điều 20. — Tổ chức sản xuất :

1. Hợp tác xã phải không ngừng cải tiến tổ chức sản xuất theo phương hướng phát triển của ngành thủy sản.

Căn cứ quy hoạch và phương hướng chung của ngành, của địa phương, theo điều kiện khả năng thực tế của mình, hợp tác xã phải xác định phương hướng sản xuất kinh doanh, cơ cấu nghề nghiệp, trang bị kỹ thuật, quy mô tổ chức, phù hợp với thực tế bước đi trước mắt và lâu dài, nhằm đẩy mạnh phát triển khai thác thủy sản. Chú trọng phát triển chế biến, nuôi trồng thủy sản ở những nơi có điều kiện. Xây dựng hợp lý cơ sở đóng, sửa tàu, thuyền, sửa chữa cơ khí trong phạm

vi hợp tác xã, huyện hoặc cửa lạch, phù hợp với quy hoạch vùng công nghiệp cá và khu dân cư miền biển.

2. Trên địa bàn huyện hoặc xã phải tùy theo điều kiện của từng vùng để kết hợp chặt chẽ việc phát triển thủy sản với phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, nghề muối, tiểu thủ công nghiệp... nhằm phát huy hết tiềm năng về nguồn lợi và sức lao động để đẩy mạnh phát triển sản xuất, nâng cao đời sống gia đình xã viên.

Điều 21. — Công tác kế hoạch hóa :

1. Hợp tác xã phải căn cứ vào khả năng nguồn lợi, sức lao động, phương hướng kế hoạch Nhà nước và yêu cầu nâng cao đời sống xã viên để lập kế hoạch dài hạn và kế hoạch hàng năm về sản xuất, kỹ thuật, tài chính, phân phối. Kế hoạch phải bảo đảm cân đối, đồng bộ, vững chắc, phải xây dựng từ các tổ sản xuất, có sự bàn bạc của xã viên, phải đưa vào các định mức kinh tế, kỹ thuật và phải hạch toán kinh tế.

2. Trên cơ sở chỉ tiêu kế hoạch đã được xây dựng, hợp tác xã phải cùng các tổ chức kinh doanh của Nhà nước ký kết thực hiện các hợp đồng kinh tế về bán sản phẩm và cung ứng vật tư. Phải chỉ đạo tập trung thống nhất, theo mùa vụ, theo từng con nước, từng chuyến biển để bảo đảm hoàn thành tốt kế hoạch.

Điều 22. — Quản lý lao động và tiền công :

1. Kết hợp việc tổ chức lại sản xuất, hợp tác xã phải bố trí sử dụng lao động trong các đơn vị sản xuất theo đúng định mức, phân công trách nhiệm theo hướng chuyên môn hóa và hợp tác hóa.

2. Hợp tác xã phải thống nhất quản lý lao động và nghề nghiệp, có kỷ luật lao động chặt chẽ. Không để xã viên lợi dụng thuyền lưới hoặc thời gian sản xuất của tập thể để làm ăn riêng lẻ.

3. Hợp tác xã phải định ngạch, xếp bậc lao động, định mức ngày công cho từng nghề, từng đơn vị sản xuất và từng xã viên. Việc phân phối trả công cho lao động phải căn cứ cấp bậc kỹ thuật, căn cứ kết

quả lao động, hiệu quả kinh tế của từng đơn vị. Thực hiện chế độ khoán tiền công theo sản lượng thực tế đến từng đơn vị sản xuất và trả lương theo sản phẩm.

Đối với cán bộ gián tiếp, nói chung phải quy định thời gian tham gia sản xuất, đồng thời tùy theo nhiệm vụ, khả năng đóng góp của mỗi người, và kết quả sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã, mà trả công thích đáng.

Ban quản lý hợp tác xã có trách nhiệm bảo đảm an toàn lao động cho xã viên; thực hiện chế độ bảo hiểm lao động phù hợp với đặc điểm nghề nghiệp và hoàn cảnh kinh tế của hợp tác xã, đồng thời có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng các loại lao động kỹ thuật và nghiệp vụ.

Điều 23. — Quản lý sản phẩm :

1. Hợp tác xã phải thống nhất quản lý chặt chẽ số lượng và chất lượng sản phẩm, từ khâu sản xuất đến khâu vận chuyển, chế biến và tiêu thụ; coi trọng việc bảo quản và chế biến để tăng chất lượng và giá trị sản phẩm, không để hư hỏng, mất mát, lạm dụng hoặc phân phối sản phẩm sai nguyên tắc.

2. Hợp tác xã phải làm tròn nghĩa vụ nộp thuế và bán sản phẩm cho Nhà nước, theo hợp đồng đã ký kết và theo đúng chính sách đã quy định.

Chương VI

QUẢN LÝ TÀI CHÍNH VÀ PHÂN PHỐI THU NHẬP

Điều 24. — Quản lý tài chính :

1. Tài chính của hợp tác xã phải được quản lý thống nhất có kế hoạch, dân chủ và công khai, theo đúng chế độ tài chính, kế toán, điều lệ, nội quy của hợp tác xã.

Hợp tác xã phải quản lý chặt chẽ các khoản thu chi, sử dụng đúng nguyên tắc, mục đích của các loại vốn, quỹ, bảo đảm phát huy hiệu quả kinh tế của đồng vốn, thúc đẩy sản xuất phát triển, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tham ô, lợi dụng

tiền vốn của hợp tác xã và của Nhà nước để kiếm lời hoặc mưu lợi ích riêng.

2. Việc chuyển khoản và trả tiền từ quỹ hợp tác xã được tiến hành theo lệnh của chủ nhiệm hợp tác xã có chữ ký của kế toán trưởng.

3. Hàng năm hợp tác xã phải lập kế hoạch tài chính; mọi khoản thu, chi, xuất, nhập của hợp tác xã phải căn cứ vào kế hoạch và định mức, phải vào sổ sách, có chứng từ đầy đủ, rõ ràng.

Hàng năm ít nhất ban quản lý hợp tác xã phải kiểm kê tài sản một lần. Hàng tháng, quý, năm, phải có báo cáo tài chính công khai cho xã viên biết.

Điều 25. — Phân phối thu nhập :

1. Hợp tác xã phải thống nhất quản lý và phân phối thu nhập theo kết quả sản xuất kinh doanh của từng đơn vị sản xuất, trên cơ sở điều lệ, chế độ đã quy định.

2. Hàng năm hợp tác xã phải xây dựng kế hoạch thu nhập và phân phối bao gồm các khoản mục sau đây :

a) Tổng thu nhập (các khoản doanh thu);

b) Tổng chi phí sản xuất (gồm chi phí sản xuất, khấu hao tài sản cố định, chi phí quản lý và trả lãi);

c) Thu nhập thực tế để phân phối :

— Trích nộp thuế Nhà nước,

— Trích các quỹ tích lũy, quỹ công ích và quỹ khen thưởng,

— Tiền công lao động xã viên.

Điều 26. — Các loại quỹ của hợp tác xã được sử dụng như sau :

1. Quỹ tích lũy dùng để xây dựng, mua sắm thêm tư liệu sản xuất để mở rộng phát triển sản xuất và có thể trích một phần bổ sung cho vốn lưu động khi cần thiết; quỹ tích lũy để từ 10 đến 15% trở lên, so với thu nhập thực tế.

2. Quỹ công ích để chi phí cho các hoạt động văn hóa, đời sống, các công trình phúc lợi tập thể, chi phí trợ cấp bảo hiểm xã hội; quỹ công ích để từ 2 đến 3% thu nhập thực tế.

3. Quỹ khen thưởng dùng để chi về việc khen thưởng cho cán bộ, xã viên; quỹ khen thưởng để từ 1 đến 20% thu nhập thực tế.

Chương VII

THÀNH LẬP, PHÂN CHIA, SÁP NHẬP, LIÊN DOANH, GIẢI TÁN HỢP TÁC XÃ

Điều 27. — Việc thành lập, phân chia hoặc sáp nhập hợp tác xã phải theo các quy định sau đây :

1. Muốn thành lập hợp tác xã, ban vận động hợp tác xã phải làm đủ các thủ tục xin phép tổ chức, xin đăng ký kinh doanh hành nghề, được Ủy ban nhân dân xã chứng nhận, Ủy ban nhân dân huyện quyết định công nhận (có sự thỏa thuận với ngành thủy sản cấp tỉnh), sau đó mới tổ chức đại hội xã viên để bầu ban quản lý và chính thức đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

2. Khi cần thiết sáp nhập hợp tác xã này với hợp tác xã khác cùng nghề hoặc chia một hợp tác xã thành 2, 3 hợp tác xã phải do xã viên bàn bạc đề nghị, được Ủy ban nhân dân huyện quyết định (có sự thỏa thuận với ngành thủy sản cấp tỉnh). Sau khi sáp nhập, hợp tác xã mới là đơn vị thừa kế hợp pháp nhận tài sản, thanh toán các khoản nợ. Nếu hợp tác xã cũ mắc nợ chưa trả cao hơn giá trị tài sản, thì phải chia tiền lỗ cho các xã viên hợp tác xã cũ chịu.

Khi chia hợp tác xã, thì chia các tài sản chung và nếu hợp tác xã cũ bị lỗ thì chia các khoản lỗ cho các hợp tác xã mới chịu.

Điều 28. — Liên doanh :

Hợp tác xã thủy sản có thể liên doanh với các hợp tác xã cùng ngành, hoặc thuộc ngành khác về mặt sửa chữa cơ khí, đóng sửa tàu, thuyền, chế biến, nuôi trồng thủy sản... nhằm sản xuất đạt hiệu quả kinh tế cao.

Điều 29. — Giải tán hợp tác xã :

Trong các trường hợp sau đây thì phải giải tán hợp tác xã :

— Hợp tác xã bị thua lỗ nghiêm trọng, kéo dài, mắc nợ không trả được, một số đông xã viên bị khai trừ hoặc xin ra hợp tác xã, đến mức hợp tác xã không hoạt động được nữa, đại hội xã viên quyết định giải tán.

— Vi phạm pháp luật nghiêm trọng đến mức hợp tác xã không hoạt động được nữa như tham ô tập thể, phân tán tài sản không còn vốn để hoạt động... đại hội xã viên nhất trí giải tán.

Việc giải tán hợp tác xã phải được Ủy ban nhân dân huyện xem xét, đề nghị lên Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quyết định, đồng thời phải có biện pháp đề tổ chức lại hợp tác xã.

Khi giải tán hợp tác xã, phải thanh toán công nợ, cỗ phần, lỗ lãi, nếu còn lại vốn, quỹ, phải nộp lên cấp trên, để chuyển thành tài sản chung của Nhà nước.

Chương VIII

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 30. — Các cán bộ, xã viên và đơn vị sản xuất có nhiều thành tích xây dựng hợp tác xã, hoàn thành vượt mức kế hoạch, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, tiết kiệm vật tư, tiền vốn, bảo vệ tài sản... đều được khen thưởng bằng vật chất và tinh thần.

Ngược lại, ai làm trái điều lệ, nội quy của hợp tác xã, vi phạm quyền làm chủ tập thể của xã viên, vi phạm chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thì tùy theo mức độ sai phạm mà xử lý theo một hoặc nhiều hình thức kỷ luật: khiển trách, chuyển làm công việc tiền công thấp hơn, cảnh cáo, cách chức, bắt bồi thường, khai trừ khỏi hợp tác xã hoặc truy tố trước pháp luật.

Việc khai trừ, cách chức, phải được đại hội xã viên thông qua.

Những xã viên vi phạm pháp luật, bị tòa án xử trí và nếu bị mất quyền công dân, thì đương nhiên cũng bị hợp tác xã khai trừ.

Người bị khai trừ, nếu được đại hội xã viên đồng ý, thì có thể tham gia lao động trong hợp tác xã, nhưng không được biểu quyết công việc quản lý của hợp tác xã, không có quyền bầu cử trong hợp tác xã.

Chương IX

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 31. — Điều lệ này áp dụng cho tất cả các hợp tác xã thủy sản trong toàn quốc (các tổ hợp tác có thể vận dụng).

Điều 32. — Các hợp tác xã thủy sản phải căn cứ vào điều lệ này mà xây dựng nội quy cụ thể của hợp tác xã mình. Nội quy phải được đại hội xã viên hoặc đại hội đại biểu xã viên thông qua, Ủy ban nhân dân huyện xét duyệt.

Điều 33. — Các ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các cấp, trong phạm vi quyền hạn của mình, có nhiệm vụ hướng dẫn, giúp đỡ, kiểm tra các hợp tác xã thủy sản thực hiện điều lệ này.

Bộ Thủy sản có trách nhiệm hướng dẫn thi hành điều lệ này và thường xuyên kiểm tra đôn đốc các ngành, các địa phương, các hợp tác xã trong việc chấp hành điều lệ này.

T.M. Hội đồng bộ trưởng
K.T. Chủ tịch
Phó chủ tịch
TỔ HỮU

QUYẾT ĐỊNH số 55-HĐBT ngày 20-3-1982 về việc giảm mức thu tiền nuôi rừng.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ quyết định số 88-HĐBT ngày 24-9-1981 của Hội đồng bộ trưởng về việc lập quỹ nuôi rừng;

Căn cứ quyết định số 28-HĐBT ngày 19 tháng 2 năm 1982 của Hội đồng bộ trưởng về việc áp dụng hệ thống giá bán buôn mới;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lâm nghiệp, Bộ trưởng Bộ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Giảm mức thu tiền nuôi rừng bình quân cho 1m³ gỗ tròn từ 300 đồng xuống 180 đồng.

Điều 2. — Bộ trưởng Bộ Lâm nghiệp và Bộ trưởng Bộ Tài chính căn cứ vào mức thu ở điều 1 quy định mức thu cụ thể tính trên từng chủng loại gỗ và từng loại lâm sản, đặc sản khác lấy từ rừng.

Điều 3. — Quyết định này được thi hành từ ngày 1 tháng 1 năm 1982 và thay thế cho điều 3 của quyết định số 88-HĐBT ngày 24-9-1981.

Điều 4. — Bộ trưởng Tổng thư ký Hội đồng bộ trưởng, bộ trưởng các Bộ Lâm nghiệp, Tài chính, chủ nhiệm các Ủy ban Vật giá Nhà nước, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, thủ trưởng các ngành có liên quan ở trung ương, chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 1982
T.M. Hội đồng bộ trưởng
K.T. Chủ tịch
Phó chủ tịch
TỔ HỮU